

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29-6- 2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Quỳnh Nga
2. Ông Đặng Văn Đề

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thanh Hải– Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 427/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2019 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Bà Lê Thị T, sinh năm 1977 (có mặt);

Địa chỉ: Số 3025 tổ 2 khu phố 2, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. ***Bị đơn:*** Ông Kiều Viết H, sinh năm 1973 (có yêu cầu giải quyết xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ 14 khu phố H, phường K, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Hiện đang chấp hành án tại Đội 35 Phân trại 1, Trại giam X, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:

Bà và ông Kiều Viết H quen biết nhau, sau đó phát sinh tình cảm, quyết định tiến tới hôn nhân. Ông bà tổ chức đám cưới và chung sống cùng nhau từ năm 1996, đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 28-6-1996.

Cuộc sống vợ chồng giữa bà và ông H không có thời gian hạnh phúc, nguyên nhân là do ông H thường xuyên đánh đập bà và các con, không có trách nhiệm với gia đình. Ông H còn có hành vi vi phạm tư cách đạo đức của người cha

đối với con. Mặc dù bà đã cố gắng chịu đựng, khuyên nhủ nhưng ông H vẫn không thay đổi. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên bà và ông H đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, cả hai không có động thái hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Nay bà không còn tình cảm với ông H nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

- Về con chung: Bà và ông H có ba người con chung là Kiều V, sinh năm 1997; Kiều Thị D, sinh năm 1998 và Kiều Thị LA, sinh ngày 26-9-2002. Hiện nay cháu LA đang sống cùng với bà. Bà T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu LA đến đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Các cháu V và D đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[2] Bị đơn ông Kiều Viết H: Theo yêu cầu của Tòa án, Trại giam X, tỉnh Đồng Nai đã lấy lời khai của ông Kiều Viết H. Tại biên bản ghi lời khai ngày 31-5-2020, ông H có quan điểm như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông đồng ý với lời trình bày của bà T về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn, về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, thời gian sống ly thân giữa bà T và ông. Nay ông H không còn tình cảm với bà T nên trước yêu cầu xin ly hôn của bà thì ông đồng ý.

- Về con chung: Ông và bà T có ba người con chung là Kiều V, sinh năm 1997; Kiều Thị D, sinh năm 1998 và Kiều Thị LA, sinh ngày 26-9-2002. Ông đồng ý giao cháu LA cho bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi, ông không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự có ý kiến như sau:

- Về tố tụng:

Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp ly hôn, nuôi con. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Bà Rịa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn là đúng.

- Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của Vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà Lê Thị T có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Kiều Viết H và giải quyết vấn đề về con chung giữa bà và ông H. Đây là vụ án “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” và việc Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa thụ lý, giải quyết là

đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Kiều Viết H có yêu cầu Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt ông. Do đó căn cứ vào Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn xét xử vụ án trên theo quy định.

[2]. Về nội dung giải quyết:

[2.1]. Bà Lê Thị T và ông Kiều Viết H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1996, đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên hôn nhân của bà T và ông H là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà T thì cuộc sống vợ chồng không có thời gian hạnh phúc, nguyên nhân là do ông H thường xuyên đánh đập bà và các con, không có trách nhiệm với gia đình, hơn thế nữa còn có hành vi vi phạm tư cách đạo đức của người cha đối với con. Mặc dù bà đã cố gắng chịu đựng, khuyên nhủ nhưng ông H vẫn không thay đổi. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên bà và ông H đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, cả hai không có động thái hàn gắn tình cảm vợ chồng. Lời khai này của bà T được bị đơn ông H thừa nhận.

Xét trong mỗi gia đình thì cả vợ chồng đều phải có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên ở bà T và ông H thì do mâu thuẫn nên cả hai không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, dẫn đến phải sống ly thân. Mặt khác trong quá trình giải quyết vụ án, ông H cũng xác định tình cảm vợ chồng giữa ông và bà T đã không còn, đồng ý ly hôn với bà T. Vì vậy nhận thấy tình trạng vợ chồng giữa bà T và ông H đã đến mức trầm trọng và đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu xin ly hôn của bà T là có cơ sở, nên được chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Bà Lê Thị T và ông Kiều Viết H có ba người con chung là Kiều V, sinh năm 1997; Kiều Thị D, sinh năm 1998 và Kiều Thị LA, sinh ngày 26-9-2002. bà T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu LA đến đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Các cháu V và D đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Xét bà T là người có việc làm và có thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu LA. Ông H cũng cho quan điểm đồng ý giao cháu LA cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Do vậy yêu cầu của bà T về việc giao cháu LA cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của con chung, nên cần chấp nhận yêu cầu này của bà T. Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4]. Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các Điều 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T và ông Kiều Viết H được ly hôn.

[2]. Về con chung: Bà Lê Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kiều Thị LA, sinh ngày 26-9-2002 đến đủ 18 tuổi, ông Kiều Viết H không phải cấp dưỡng nuôi con. Cháu Kiều V và Kiều Thị D đã trưởng thành, Tòa án không xem xét giải quyết.

Ông Kiều Viết H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Lê Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003069 ngày 03-12-2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Như vậy, bà T đã nộp xong án phí.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29-6-2020) các đương sự có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Bà Rịa;
- Chi cục THADS thành phố Bà Rịa;
- UBND xã H, huyện K, Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- Lưu VT; hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Bùi Thị Thương